

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2017

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

Giữa chị T và anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thi

2. Ông Huỳnh Kim Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Th ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1985;

HKTT: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện tại: Ấp 4, xã M, huyện G, tỉnh Long An.(có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Anh T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện C, tỉnh Long An.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: chị và anh T cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không chăm chỉ làm việc, thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện với chị, không quan tâm đến gia đình, bỏ mặc chị chăm lo cho con, làm cho cuộc sống của chị gặp nhiều khó khăn. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02/2014 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Lê Minh Th, sinh ngày 14/5/2011, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con. Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2017 chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ nhưng tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: chị T nêu vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu chia.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn anh Phạm Anh T, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng anh T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Phạm Anh T cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đối với anh Phạm Anh T, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Phạm Anh T.

Về nội dung:

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh T không quan tâm đến gia đình, không chăm chỉ làm việc để tạo ra thu nhập, phụ giúp chị T nuôi dưỡng và chăm sóc con mà trái lại thường xuyên uống rượu và gây chuyện với chị, dù nhiều lần khuyên nhủ và cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên cương quyết xin ly hôn với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Lê Minh Th, sinh ngày 14/5/2011, hiện đang sống với chị T, cuộc sống ổn định nên việc chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Th là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận. Tại phiên tòa, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T nêu vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu chia tài sản và nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T về việc “tranh chấp ly hôn” đối với anh Phạm Anh T

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Anh T.

Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Lê Minh Th, sinh ngày 14/5/2011, anh Phạm Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006219 ngày 11/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- Thi hành án C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn – Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc